SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH THÁI NGUYÊN
CHI CỤC KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 54 /QĐ-KTHT&PTNT

Thái Nguyên, ngày 11 tháng 04 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Công bố, công khai tình hình thực hiện dự toán NSNN quý 1 năm 2026 của Chi cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn tỉnh Thái Nguyên

CHI CỤC TRƯỞNG CHI CỤC KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP, ngày 10/03/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 133/2025/TT-BTC ngày 24/12/2025 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 39/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND tỉnh tổ chức lại Chi cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước quý 1 năm 2026 của Chi cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn tỉnh Thái Nguyên;

Xét đề nghị của phụ trách kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách nhà nước quý 1 năm 2026 của Chi cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn tỉnh Thái Nguyên. Có phụ biểu đính kèm

Hình thức công khai:

Niêm yết công khai tại trụ sở Chi cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn thời gian 90 ngày kể từ ngày ban hành quyết định này.

Gửi Quyết định công khai đến các phòng sử dụng dự toán và các bộ phận chuyên môn liên quan và đồng thời được đăng tải trên website của Chi cục.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng các phòng thuộc Chi cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn, Kế toán cơ quan; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lãnh đạo Chi cục;
- Lưu: VT, HCTH.

CHI CỤC TRƯỞNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
CHI CỤC KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH THÁI NGUYÊN
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN

Nguyễn Thành Nam

CHI CỤC KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Chương: 412

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN NSNN QUÝ I- NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 54 /QĐ-KTHT&PTNT ngày 11/04/2026 của Chi cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn)

STT	Nội dung	Dự toán được giao	Giải ngân đến hết ngày 31/03/2026
	Dự toán chi ngân sách nhà nước		
I	***Chi quản lý hành chính***	***8.425.000.000***	***1.869.428.311***
1	*Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (Loại khoản 340-341, nguồn 13)*	6.978.000.000	1.681.088.659
2	*Kinh phí thực hiện chế độ không tự chủ (Loại khoản 340-341, nguồn 12)*	1.033.000.000	188.339.652
3	*Kinh phí khen thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP (Loại khoản 340-341, nguồn 18)*	414.000.000	0
II	***Chi sự nghiệp***	**2.610.000.000**	**800.000**
	Kinh phí không thường xuyên (Loại khoản 280 -281, nguồn 12)	2.610.000.000	800.000
III	***Chương trình mục tiêu quốc gia***	**15.689.109.339**	**468.488.500**
	Chương trình mục tiêu quốc gia Nông thôn mới	**2.693.867.809**	
	Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng nông thôn mới; truyền thông về xây dựng nông thôn mới; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới *(10502, 20502)*	1.160.649.684	
	Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền cơ sở; thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong nông thôn mới, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, xây dựng nông thôn mới thông minh; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân; tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực *(10498,20498)*	482.468.990	468.488.500

	Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển KT nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao GTGT, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX; hỗ trợ các DN khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn... góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững *(10493, 20493)*	1.050.749.135	
	Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo	**12.995.241.530**	
	Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo *(10472, 20472)*	7.086.396.996	
	Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng *(10473, 20473)*	2.352.446.063	
	Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình *(10477, 20477)*	3.556.398.471	